

Bản án số: **292/2019/HS-ST**
Ngày 24-12-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HAI BÀ TRUNG - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Tân

Bà Hoàng Thị Thiệu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lại - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Bích Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 12 năm 2019, tại Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 318/2019/TLST-HS ngày 02 tháng 12 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 295/2019/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 12 năm 2019 đối với:

Bị cáo Nguyễn Văn D; sinh năm 1966; hộ khẩu thường trú: 44/27 ngõ P, phường C, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội; Chỗ ở: 29 ngách 27 ngõ P, phường C, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T (đã chết) và con bà Phan Thị M; có vợ là Lê Thị X; có 02 con: lớn sinh năm 1985, nhỏ sinh năm 1987; tiền án: 02 tiền án: Ngày 26/7/1994, Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội xử 12 tháng tù về tội Tổ chức dùng chất ma túy và 24 tháng tù về tội Mua bán chất ma túy, tổng hợp hình phạt của hai tội là 36 tháng tù (chưa xóa án tích); Ngày 18/7/2001: Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng xử 36 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy (chưa xóa án tích); tiền sự: không.

* Nhân thân:

- Năm 2006, UBND thành phố Hà Nội áp dụng biện pháp xử lý hành chính cai nghiện bắt buộc 24 tháng (đủ thời hạn coi là chưa bị xử lý hành chính).

- Ngày 29/10/2012, Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng xử 36 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy (chấp hành xong hình phạt tù ngày 10/3/2015, đã nộp án phí): đã xóa án tích.

Bị cáo bị bắt quả tang ngày 15/10/2019; tạm giam ngày 24/10/2019. Danh chỉ bản số 374 lập ngày 17/10/2019 tại Công an quận Hai Bà Trưng. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1 - Công an thành phố Hà Nội; có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do nghiện ma túy nên khoảng 10 giờ 40 phút ngày 15/10/2019, Nguyễn Văn D đi bộ từ nhà ra khu vực ngõ 459 Bạch Mai, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội tìm mua ma túy về sử dụng. Tại đây, D gặp và mua của một người đàn ông tên Đ 01 túi nilong bên trong chứa ma túy với giá 800.000 đồng (*tám trăm nghìn đồng*). Sau đó D cầm ma túy trong lòng bàn tay phải đi bộ về nhà để sử dụng. Khoảng 10 giờ 50 phút cùng ngày, khi D đi đến khu vực ngã tư phố Bạch Mai - Thanh Nhàn - Lê Thanh Nghị, phường Bạch Mai, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội thì bị Tổ công tác Đội cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an quận Hai Bà Trưng kiểm tra hành chính. Qua kiểm tra, D tự giác giao nộp cho Tổ công tác một gói nilong màu trắng kích thước khoảng 4x6cm bên trong có chứa các cục bột màu trắng. Tại chỗ D khai nhận là ma túy loại hêrôin vừa mua để sử dụng nhưng chưa kịp sử dụng thì bị phát hiện. Tổ công tác đã tiến hành lập biên bản thu giữ niêm phong túi nilong trên và yêu cầu D về trụ sở cơ quan công an làm rõ. Ngoài ra, cơ quan công an còn thu giữ của D 01 điện thoại di động Nokia màu đen đã qua sử dụng có số IMEI 357797061923868.

Ngày 15/10/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an quận Hai Bà Trưng ra Quyết định trưng cầu giám định số ma túy đã thu giữ của D. Tại bản kết luận giám định số 6564/KLGD-PC09 ngày 22/10/2019, Phòng kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hà Nội kết luận: "*Chất bột màu trắng bên trong 01 túi nilong là ma túy loại hêrôine, tổng khối lượng 1,613 gam*".

Đối với người đàn ông đã bán ma túy cho D: D khai không biết rõ nhân thân lai lịch. Ngày 15/10/2019, Cơ quan công an đã dẫn giải D để xác định nơi mua ma túy và người đã bán ma túy cho D. Kết quả D xác định được vị trí mua ma túy là tại khu vực đầu ngách 82 ngõ 459 Bạch Mai, phường Bạch Mai, quận Hai Bà Trưng nhưng không xác định được người đàn ông đã bán ma túy cho D. Vì vậy, cơ quan công an không có căn cứ xác minh xử lý.

Về chiếc điện thoại Nokia màu đen đã qua sử dụng, có số IMEI 357797061923868 thu giữ của D: D khai là của D, dùng để liên lạc các nhân và không liên quan đến hành vi phạm tội.

Tại bản Cáo trạng số 280/CT-VKSHBT-HS ngày 20/11/2019, Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng đã truy tố Nguyễn Văn D về Tội tàng trữ trái phép chất ma túy theo điểm o khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn D giữ nguyên lời khai như tại cơ quan điều tra, thừa nhận nội dung, tội danh mà Viện kiểm sát truy tố bị cáo là đúng và xin giảm nhẹ hình phạt để sớm trở về với gia đình, xã hội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng sau khi phân tích nội dung vụ án, đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố Nguyễn Văn D và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm o khoản 2 Điều 249, điểm s khoản 1 điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D với mức án từ 6 năm đến 6 năm 6 tháng tù; Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo do bị cáo không có việc làm, thu nhập; về xử lý vật chứng: tịch thu tiêu huỷ toàn bộ số ma túy đã thu giữ của bị cáo; trả lại bị cáo chiếc điện thoại di động.

Bị cáo nói lời sau cùng đã nhận thức ra lỗi lầm, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt và không áp dụng hình phạt tiền do bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập, hoàn cảnh gia đình khó khăn, bản thân sức khỏe yếu để bị cáo sớm trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra, Công an quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn D không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai của bị cáo Nguyễn Văn D tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 10 giờ 50 phút ngày 15/10/2019, tại khu vực ngã tư phố Bạch Mai - Thanh Nhàn - Lê Thanh Nghị, phường Bạch Mai, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, Nguyễn Văn D có hành vi tàng trữ trái phép 1,613 gam ma túy loại hêrôn.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm quyền kiểm soát và quản lý các chất ma túy của nhà nước, gây mất trật tự trị an, gây bất bình và tâm lý lo lắng trong nhân dân. Ma túy đang là mối hiểm họa cho

mỗi gia đình và toàn bộ xã hội, Nhà nước đã có nhiều chính sách cương quyết tuyên truyền vận động đến chế tài xử lý nghiêm khắc mọi hành vi liên quan đến ma túy. Bị cáo nhận thức rõ hành vi của mình bị pháp luật cấm, thấy trước được tác hại của hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy nhưng vẫn cố ý thực hiện. Tại phiên toà bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình theo bản Cáo trạng và lời luận tội của Viện kiểm sát, do đó Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận Nguyễn Văn D phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm o khoản 2 Điều 249 Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng truy tố và kết luận về hành vi phạm tội của bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét nhân thân: bị cáo Nguyễn Văn D có hai tiền án về tội mua bán và tàng trữ ma túy vào năm 1994 và 2001. Theo kết quả xác minh về việc chấp hành hình phạt phụ thể hiện bị cáo chưa nộp án phí và hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với hai tiền án này nên xác định là chưa được xóa án tích. Phạm tội lần này thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm là tình tiết định khung tăng nặng quy định tại điểm o khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra bị cáo còn có 01 tiền sự vào năm 2006 nhưng đã đủ thời hạn được coi là chưa bị xử lý hành chính và 01 tiền án vào năm 2012 nhưng đã được xóa án tích. Điều này thể hiện bị cáo là người có nhân thân xấu, có ý thức coi thường pháp luật, đã bị kết án nhưng không chịu sửa chữa lấy đó làm bài học rút kinh nghiệm cho bản thân để rèn luyện trở thành công dân tốt mà lại tiếp tục phạm tội. Do đó cần thiết phải áp dụng hình phạt nghiêm khắc cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đảm bảo việc cải tạo, giáo dục riêng đối với bị cáo và đấu tranh phòng ngừa chung. Tuy nhiên khi lượng hình có xem xét bị cáo D tại cơ quan điều tra và tại phiên toà đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên Hội đồng xét xử quyết định áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm một phần hình phạt cho bị cáo.

[4] Về hình phạt bổ sung: Theo khoản 5 Điều 249 Bộ luật hình sự, bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên toà thấy bị cáo không có nghề nghiệp, hoàn cảnh khó khăn, bản thân sức khỏe yếu nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Đối với người đàn ông đã bán ma túy cho bị cáo: do bị cáo khai không biết rõ tên tuổi địa chỉ cụ thể, cơ quan điều tra đã truy tìm nhưng không xác định được. Do vậy, cơ quan điều tra không có căn cứ xác minh xử lý là có cơ sở.

[6] Về xử lý vật chứng:

- Cơ quan điều tra đã thu giữ 1,613 gam ma túy loại hêrôin - đây là chất

độc hại, Nhà nước cấm tàng trữ, lưu hành nên cần tịch thu tiêu huỷ.

- Đối với chiếc điện thoại Nokia màu đen đã qua sử dụng, có số IMEI 357797061923868 thu giữ của bị cáo: quá trình điều tra xác định là của bị cáo, dùng để liên lạc cá nhân và không liên quan đến hành vi phạm tội, nên trả lại cho bị cáo.

[7] Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo Nguyễn Văn D phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn D phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma tuý.

2. Áp dụng điểm o khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự,

Xử phạt: Nguyễn Văn D 6 (sáu) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 15/10/2019.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Nguyễn Văn D.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu, tiêu huỷ 01 (một) bì giấy đã niêm phong bên trong có chứa 1,613 gam ma tuý loại hêrôin, bên ngoài có chữ ký của Giám định viên và bị cáo Nguyễn Văn D.

- Trả lại bị cáo Nguyễn Văn D 01 (một) chiếc điện thoại Nokia màu đen đã qua sử dụng, có số IMEI 357797061923868.

Vật chứng trên hiện đang bảo quản tại Chi cục thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội theo Biên bản giao nhận tang vật, vật chứng ngày 06/9/2019 giữa Công an quận Hai Bà Trưng với Chi cục thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án: Bị cáo Nguyễn Văn D phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, bị cáo Nguyễn Văn D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15

ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND quận Hai Bà Trưng;
- VKSND TP Hà Nội;
- Tòa án NDTP Hà Nội;
- Công an quận Hai Bà Trưng;
- Trại tạm giam số 1 - Công an TP Hà Nội;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Phương Thủy